TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151 /2023/DS-PT
Ngày: 21 / 3 /2023
V/v "Tranh chấp yêu cầu mở lối đi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- Thư ký phiên toà: Ông **Võ Tấn Dũ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp "Yêu cầu mở lối đi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:**

1.1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; (có mặt)

1. 2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1959; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

***2. Bị đơn*:** Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Huỳnh Thị P: Ông Võ Trọng K - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Trọng K.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

3.1. Ông Trương Văn L, sinh năm 1968; (có mặt)

3.2. Anh Trương Tuấn A, sinh năm 1988; (xin vắng mặt)

3.3. Chị Trương Huỳnh N, sinh năm 1993; (xin vắng mặt)

3.4. Chị Trương Huỳnh T, sinh năm 1995; (xin vắng mặt)

3.5. Anh Trương Mẫn Đ2, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

3.6 Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1995. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Văn L: Ông Võ Trọng K - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Võ Trọng K.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị P và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông*** Nguyễn Văn Đ***, bà*** Nguyễn Thị Đ1 ***trình bày:***

Gia đình ông, bà có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.085.0m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do vị trí tự nhiên nên thửa đất của ông, bà bị bao bọc bởi các thửa đất khác, không có lối đi ra đường công cộng. Từ trước đến nay gia đình ông, bà muốn đi ra đường công cộng phải đi qua thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135.0m^2, của ông Nguyễn Văn B. Đây là lối đi duy nhất của gia đình ông, bà. Ngoài lối đi này gia đình ông, bà không còn lối đi nào khác. Năm 1998, ông B chuyển nhượng lại thửa đất cho hộ bà Huỳnh Thị P thì bà P cũng chấp nhận để cho gia đình ông tiếp tục sử dụng lối đi này.

Vào ngày 09/01/2021, do mâu thuẫn hai bên nên bà P tự ý làm hàng rào sắt chắn ngang lối đi. Ông, bà đã nhiều lần thỏa thuận yêu cầu mua lối đi này nhưng bà P không đồng ý. Vì vậy, ông, bà yêu cầu gia đình bà Huỳnh Thị P mở một lối đi theo sơ đồ đo đạc thực tế có diện tích 14,8m^2 (chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,87m và 10,01m), nằm trong phần đất thửa số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135m2 cho hộ gia đình của ông, bà làm lối đi ra đường công cộng. Ông, bà đồng ý đền bù giá trị đất và tiền công di dời hàng rào cho hộ bà P là 10.000.000 đồng.

**** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà*** Huỳnh Thị P ***trình bày:***

Nguồn gốc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135m^2 là của gia đình bà nhận chuyển nhượng của ông B từ năm 1998. Gia đình ông Đ có sử dụng lối đi trên đất của bà nhưng ông Đ không biết điều. Quá trình sử dụng đất thì ông Đ lấn ranh đất của bà, hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Đ chửi và hành hung vợ chồng bà nên bà làm hàng rào không cho ông Đ sử dụng lối đi trên đất của bà. Nay bà đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,5m, nhưng

phải đền bù thiệt hại cho gia đình bà 20.000.000 đồng/m^2, vì hiện nay đất này bà trồng sầu riêng lợi nhuận rất cao, nếu mở lối đi cho ông Đ, bà Đ1 sẽ thiệt hại cho gia đình bà.

* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ bà Huỳnh Thị P trình bày: Nguồn gốc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135m^2 là của gia đình nhận chuyển nhượng từ năm 1998. Nay gia đình ông đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,5m, với giá 20.000.000 đồng/m^2, còn 0,5m ông chừa lại để đặt ống bọng dẫn nước tưới tiêu, ông đồng ý cho đi trên phần đất 0,5m này suốt đời.

Bản án sơ thẩm số 128/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 254, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; các điều 171 và 203 của Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc bà Huỳnh Thị P và các thành viên trong hộ gồm ông Trương Văn L, anh Trương Tuấn A, chị Trương Huỳnh N và chị Trương Huỳnh T mở một lối đi diện tích 14,8m^2 (chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,87m và 10,01m), nằm trong thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135.0m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do bà Huỳnh Thị P đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng, để cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 sử dụng để đi ra đường công cộng (có sơ đồ kèm theo).

2. Ghi nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 tự nguyện đền bù cho hộ bà Huỳnh Thị P giá trị phần đất mở lối đi và tiền công di dời hàng rào, số tiền 10.000.000 đồng.

- Ngày 13/10/2022, bà Huỳnh Thị P, ông Trương Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị P **và ông** Trương Văn L **phát biểu ý kiến:**

Nguồn gốc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20 của nguyên đơn nhận chuyển

nhượng từ ông Nguyễn Văn T1 nên theo quy định pháp luật ông Đ phải thỏa thuận với ông Tứ c lối đi hợp lý cho gia đình ông Đ; hơn nữa, thửa đất ông Đ tiếp giáp với đất ông B rồi đến đất bà P, ông Đ không liền kề với đất của bà P nên ông Đ yêu cầu bà Pha mở lối đi là không phù hợp. Mặt khác, hiện nay hai gia đình đã có mâu thuẩn trầm trọng nên việc cho ông Đ, bà Đ1 sử dụng lối đi trên đất bà P sẽ gặp khó khăn. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, ông Trương Văn L, sửa bản án DSST của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Trường hợp HĐXX xét thấy cần thiết phải mở lối đi cho gia đình ông Đ, bà Đ1 thì phải xem xét lại mức đền bù thiệt hại cho gia đình bà P. Vì hiện nay, khu vực đất bà P đang sử dụng mục đích để trồng cây sầu riêng, thu lợi nhuận rất cao. Với diện tích nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có thể trồng đến 03 cây sầu riêng, nếu mở lối đi cho ông Đ, bà Đ1 thì phải buộc đền bù bằng giá trị 03 cây sầu riêng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật.

Về nội dung : Nhận thấy, đơn kháng cáo của bà P, ông L nộp trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, tuy nhiên về số tiền đền bù cấp sơ thẩm xác định chưa phù hợp với mức thiệt hại thực tế của người mở lối đi. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, ông Trương Văn L. Sửa một phầnbản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

Xét cấp sơ thẩm xác định người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thành viên trong hộ bà Huỳnh Thị P gồm: ông Trương Văn L, anh Trương Tuấn A, chị Trương Huỳnh N và chị Trương Huỳnh T là chưa đầy đủ. Vì ngoài các thành viên trên, trong hộ bà Huỳnh Thị P còn có anh Trương Mẫn Đ2, chị Nguyễn Thị Thùy D. Tuy nhiên thiếu sót này không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án và đã được cấp phúc thẩm khắc phục, đưa anh Trương Mẫn Đ2 và chị Nguyễn Thị Thùy D tham gia tố tụng giai đoạn phúc thẩm nên cần rút kinh nghiệm.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, ông Trương Văn L nộp trong thời hạn, đúng với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp yêu cầu mở lối đi" là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P, ông Trương Văn L: yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị Đ1, xét thấy:

- Xét vị trí thửa đất số 23, tờ bản đồ số 20, diện tích 3.085.0m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/6/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị Đ1 bị vây bọc bởi các thửa đất xung quanh (trong đó có thửa đất bà Huỳnh Thị P), không tiếp giáp đường công cộng. Trước đây để đi ra được đường công cộng, hộ gia đình ông Đ, bà Đ1 sử dụng một lối đi trên phần đất của ông Ngô Văn B1, sau đó gia đình ông B1 bán cho hộ bà P thì hộ ông Đ, bà Đ1 vẫn tiếp tục sử dụng lối đi trên thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135.0m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Huỳnh Thị P để ra đường công cộng. Đến ngày 09/01/2021, do có mâu thuẫn nên hộ bà P đã rào lại và không cho hộ ông Đ, bà Đ1 đi. Do vậy, hộ ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 không có lối đi ra đường công cộng.

- Xét kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lậy và kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh thể hiện, từ khi bị bà P rào chắn lối đi, ông Đ và bà Đ1 phải đi nhờ vào đất vườn của 03 người khác (không phải là lối đi), chiều dài hơn 200m rất khó khăn mới đi ra đường công cộng được và họ cũng có ý kiến không đồng ý cho ông Đ , bà Đ1 sử dụng lối đi trong vườn. Ngoài lối đi đang tranh chấp thì hộ ông Đ, bà Đ1 không có lối đi nào khác thuận tiện và ngắn hơn để đi ra đường công cộng. Do vậy, nhu cầu mở lối đi của ông đưa, bà Đ1 là cần thiết và cấp bách. Mặt khác, tại Tờ giao kèo cho đường đi ra lộ ngày 04/10/1984 giữa ông B1 với ông Đ, có xác nhận của Lãnh đạo ấp T, có nội dung cho ông Đ sử dụng đất của ông B1 làm lối đi ra đường công cộng vĩnh viễn. Khi bà P nhận chuyển nhượng đất của

ông B1 cũng biết và đồng ý cho ông Đ tiếp tục sử dụng lối đi. Vì vậy, ông Đưa, bà Đ1 yêu cầu hộ bà P mở lối đi theo đo đạc thực tế có diện tích 14,8m^2 (chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,87m và 10,01m), nằm trong thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20 cho hộ gia đình ông Đ, bà Đ1 sử dụng để đi ra đường công cộng là phù hợp với quy định tại Điều 254 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử sơ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà Đ1 là có căn cứ.

- Xét số tiền ông Đ, bà Đ1 đại diện hộ tự nguyện liên đới đền bù giá trị phần đất mở lối đi và tiền công di dời hàng rào cho hộ bà P số tiền 10.000.000 đồng là không phù hợp với mức độ thiệt hại của bà Huỳnh Thị P. Bởi lẽ, quá trình xét xử phúc thẩm, bà P yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định lại thiệt hại thực tế cho gia đình bà. Theo kết quả xem xét thẩm định qua khảo sát những người xung quanh địa phương cung cấp, khu vực vị trí đất tranh chấp hiện nay là vùng đất trồng sầu riêng, cho hoa lợi hàng năm khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000đồng/cây, diện tích mở lối đi 14,8m^2 nếu không mở lối đi cho ông Đ, bà Đ1 thì bà P trồng được khoảng 03 cây sầu riêng. Xét thấy, theo Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 12/01/2023 Quy định về bồi thường thiệt hại cây trồng và vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giá cây sầu riêng loại A là 12.951.000đồng/cây. Do vậy, cần xác định mức thiệt hại cho người sử dụng đất mở lối đi tương ứng giá trị 03 cây sầu riêng là 38.853.000đồng và chi phí di dời hàng rào trụ bê tông 926.000đồng, tổng cộng là 39.779.000đồng là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự, buộc ông Đ và bà Đ1 phải đền bù cho hộ bà P 39.779.000đồng.

Xét ý kiến Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Huỳnh Thị P và ông Trương Văn L là có căn cứ một phần.

Từ những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị P và ông Trương Văn L có căn cứ chấp nhận một phần. HĐXX sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do HĐXX sửa bản án DSST nên bà P và ông L không phải chịu án phí DSPT theo quy định.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Huỳnh Thị P và ông Trương Văn L. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 218/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Áp dụng Điều 254, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Các điều 95, 171 và 203 của Luật đất đai;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1.

Buộc bà Huỳnh Thị P và các thành viên trong hộ gồm ông Trương Văn L, anh Trương Tuấn A, chị Trương Huỳnh N , chị Trương Huỳnh T, anh Trương Mẫn Đ2, chị Nguyễn Thị Thùy D mở một lối đi diện tích 14,8m^2 (chiều ngang 1,5m, chiều dài 9,87m và 10,01m), nằm trong thửa đất số 25, tờ bản đồ số 20, diện tích 1.135.0m^2, tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do bà Huỳnh Thị P đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng, để cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 sử dụng để đi ra đường công cộng (có sơ đồ kèm theo). Phần lối đi diện tích 14,8m^2, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất của ông Nguyễn Văn P1 dài 9,87m;

- Phía Nam: Giáp đất còn lại của bà Huỳnh Thị P dài 10,01m;

- Phía Đông: Giáp đất của ông Ngô Văn B1 dài 1,5m;

- Phía Tây: Giáp với đường bê tông công cộng dài 1,5m.

Các bên đương sự có quyền và nghĩa vụ đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề theo quy định Điều 95 Luật đất đai.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 đền bù cho hộ bà Huỳnh Thị P số tiền 39.779.000đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Hai bên thực hiện việc mở lối đi, thanh toán tiền đền bù cùng lúc khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Đ1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Huỳnh Thị P và ông Trương Văn L không phải chịu án phí DSPT. H lại cho bà Huỳnh Thị P và ông Trương Văn L 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên

lai thu số 0016764 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND H. Cai Lậy TG;
- CCTHADS H. Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn